

Bản án số: 704/2022/DS-ST.
Ngày 23 tháng 11 năm 2022.
*“V/v Tranh chấp hợp
đồng góp vốn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hùng Vương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân.

2. Ông Lê Văn Rồi.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 480/2020/TLST-DS ngày 03/11/2020 về việc *“Tranh chấp hợp đồng góp vốn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 522/2022/QĐST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 583/2022/QĐST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: L R D, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: C 2B, Lầu C, Chung Cư LHP, phường B, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của ông L R D có ông Nguyễn Đ Đ, sinh năm: 1973. (có mặt)

Địa chỉ: 52/3B, APĐ, phường APĐ, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Hợp Tác Xã Nuôi Trồng Thủy Sản HQ. (vắng mặt)

Địa chỉ: số AA, đường TA, ấp 4, xã HP, huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đ Đ trình bày:

Ngày 10/10/2007, ông L R D và Hợp tác xã Nuôi trồng thủy sản H Q (sau đây gọi là HTX H Q) có ký kết Hợp đồng góp vốn. Theo nội dung hợp đồng HTX H Q đồng ý cho ông góp vốn tham gia vào dự án Làng nghề hoa, cây kiểng, cá cảnh do HTX H Q làm chủ đầu tư. Trên nguyên tắc ông góp vốn và được chuyển giao đất vườn ao có cơ sở hạ tầng tại khu vực triển khai dự án thuộc xã TA, huyện Cử Chi, thành phố Hồ Chí Minh.

Cũng theo nội dung hai bên thỏa thuận tại hợp đồng ngày 10/10/2007. Tổng giá trị mà ông bỏ tiền ra để góp vốn là 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) sẽ được HTX H Q chuyển giao cho ông được toàn quyền sử dụng diện tích đất là 1.000 m² theo đó diện tích đất này có vị trí tại lô E, số nền 366 và có diện tích đất xây dựng là 250 m².

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nói trên, về phần nghĩa vụ của ông vào ngày 29/10/2007 ông đã thực hiện việc góp đợt 1 cho HTX H Q với số tiền là 157.500.000 đồng (Một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Số tiền góp vốn đợt 1 này chiếm tỷ lệ 35% giá trị hợp đồng. Sau khi nhận đủ số tiền mà ông đã góp vốn đợt 1 này, cho đến thời điểm hiện nay HTX H Q không thực hiện việc giao đất cho ông theo nội dung mà hai bên đã thỏa thuận. Mặt khác, ông Nguyễn Nhung chủ nhiệm HTX H Q luôn né tránh ông mỗi khi ông liên hệ gặp để giải quyết vụ việc.

Xét thấy HTX H Q không thực hiện đúng thỏa thuận và các cam kết trong Hợp đồng góp vốn mà hai bên đã ký vào ngày 10/10/2007. Điều này đã xâm phạm đến lợi ích chính đáng và hợp pháp của ông. Vì vậy ông khởi kiện vụ việc này tới Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn HTX H Q: Buộc HTX H Q có trách nhiệm trả cho ông số tiền là 315.000.000 đồng (Ba trăm mười lăm triệu đồng). Việc thanh toán tiền được thực hiện ngay sau khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Bản sao pho to CMND + HK, giấy ủy quyền + hợp đồng góp vốn quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa:

Ông Đ trình bày:

Ngày 10/10/2007, ông L R D và Hợp tác xã Nuôi trồng thủy sản H Q có ký kết Hợp đồng góp vốn để tham gia vào dự án Làng nghề hoa, cây kiểng, cá cảnh do HTX H Q làm chủ đầu tư. Theo đó, ông L R D là người góp vốn còn HTX H Q là đơn vị chuyển giao 1.000m² đất vườn, ao (trong đó có 250m² đất xây dựng) có cơ sở hạ tầng tại khu vực triển khai dự án thuộc xã TA, huyện Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh cho ông L R D quản lý sử dụng.

Tổng giá trị của Hợp đồng góp vốn là 450.000.000 đồng, thời gian bàn giao đất và Giấy chứng nhận QSDĐ là 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng góp vốn. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng góp vốn, ông L R D đã thực góp cho HTX H Q số tiền là 157.500.000 đồng (có phiếu thu của HTX H Q lập ngày 29/10/2007). Tuy nhiên sau khi nhận tiền góp vốn, cho đến thời điểm hiện nay HTX H Q không thực hiện việc giao đất cho ông L R D theo nội dung mà hai bên đã thỏa thuận.

Nhận thấy HTX H Q không thực hiện đúng các cam kết trong Hợp đồng góp vốn ngày 10/10/2007. Mặt khác, đến thời điểm hiện nay HTX H Q không trả lại cho ông L R D số tiền đã góp vốn 157.500.000 đồng. Vì vậy ông L R D đã khởi kiện vụ việc yêu cầu TAND huyện Củ Chi giải quyết: Buộc HTX H Q có trách nhiệm trả lại cho ông L R D số tiền 315.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay tôi với tư cách là người đại diện ủy quyền hợp pháp cho ông L R D tôi đề nghị HĐXX xem xét: Buộc HTX H Q có trách nhiệm trả lại cho ông L R D số tiền 157.500.000 đồng, ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nêu trên, Nguyên đơn đã cung cấp cho tòa án các tài liệu sau: Bản chính HĐGV ngày 10/10/2007; Bản chính phiếu thu ngày 29/10/2007.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, kiến nghị Thẩm phán xem xét khắc phục.

- Về nội dung: Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nội dung yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L R D yêu cầu Tòa án buộc Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản H Q có trách nhiệm trả cho ông số tiền là 315.000.000 đồng (Ba trăm mười lăm triệu đồng) theo nội dung của hợp đồng góp vốn ngày 10/10/2007 được ký kết giữa ông và Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản H Q; Thanh toán 01 lần ngay sau khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật. Quan hệ tranh chấp là tranh chấp “Hợp đồng góp vốn”, bị đơn là Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản H Q có trụ sở tại huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản H Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản H Q vẫn không đến Tòa án và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ gì có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản H Q và căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp; chứng cứ mà Tòa thu thập được để giải quyết vụ kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 91; các điều 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn ông L R D chỉ yêu cầu Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản H Q trả lại cho ông số tiền mà Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản H Q đã nhận của ông L R D là 157.500.000 đồng (Một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo phiếu thu ngày 29/10/2007 của Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản H Q; Trả 01 lần ngay sau khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Trong đơn khởi kiện ban đầu, nguyên đơn ông L R D yêu cầu Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản H Q trả cho ông số tiền 315.000.000 đồng (Ba trăm mười lăm triệu đồng). Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản H Q trả cho nguyên đơn số tiền 157.500.000 đồng, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

Sau khi xem xét tất cả các chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến nội dung vụ án tại phiên Tòa gồm: Hợp đồng góp vốn, phiếu thu. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Ông L R D và Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản H Q ký hợp đồng góp vốn tham gia vào dự án làng nghề hoa, cây kiểng, cá cảnh do Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản H Q làm chủ đầu tư trên

cơ sở tự nguyện; Nội dung không trái pháp luật, đạo đức, xã hội; Các bên tham gia ký hợp đồng đảm bảo đúng quy định của pháp luật về năng lực chủ thể và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật; Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản H Q đã thu của ông L R D số tiền 157.500.000 đồng vào ngày 29/10/2007; Theo nội dung của hợp đồng góp vốn ngày 10/10/2007 mà hai bên đã ký tại khoản 2 Điều IV, trường hợp bên A (Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản H Q) không thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng này thì bên A phải bồi thường cho bên B (ông L R D) gấp đôi số tiền bên B đã thực nộp (căn cứ các biên lai nộp tiền); Hợp đồng góp vốn được ký kết năm 2007 nên Luật áp dụng là Bộ luật Dân sự năm 2005.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông L R D yêu cầu Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản H Q trả lại cho ông số tiền 157.500.000 đồng (Một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại các Điều 111, 113, 117, 121, 122, 123, 124, 141, 401, 402, 412, 727, 728, 729, 730, 731, 732 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản H Q đã chiếm hữu, sử dụng số tiền trên của ông L R D thời gian dài từ ngày 10/10/2007 đến nay, do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản H Q hoàn trả số tiền 157.500.000 đồng cho ông L R D 01 lần ngay sau khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật là phù hợp.

Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi là có cơ sở nên chấp nhận. Do hồ sơ nhiều và tình hình dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp nên Tòa án vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án nghiêm chỉnh tiếp thu và sẽ khắc phục trong thời gian tới.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ khoản 1, 5 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản H Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Các điều 6, 177, 178, 227, 228, 264, 266, 267 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 111, 113, 117, 121, 122, 123, 124, 141, 401, 402, 412, 727, 728, 729, 730, 731, 732 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 1, 5 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông L R D.

Buộc Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản H Q trả lại cho ông L R D số tiền 157.500.000 đồng (Một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng); Trả 01 lần ngay sau khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông L R D yêu cầu Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản H Q bồi thường thêm cho ông L R D số tiền 157.500.000 đồng (Một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Hợp tác xã nuôi trồng thủy sản H Q phải chịu là 7.875.000 đồng (Bảy triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Hoàn trả lại cho ông L R D số tiền tạm ứng án phí là 7.875.000 đồng (Bảy triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0084990 ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (14b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hùng Vương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (13b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hùng Vương